**BẢN THẢO**

**QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CƠ KHÍ VÀ NĂNG LƯỢNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CKNL-HĐQT ngày / /2024*

*của Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Cơ Khí và Năng Lượng)*

**CHƯƠNG I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

# Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

* 1. Quy chế này quy định công tác quản lý tài chính của Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Cơ Khí và Năng Lượng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), quản lý vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác (sau đây gọi tắt là “Quy chế Tài chính”).
  2. Công ty là đơn vị hoạt động SXKD, cung cấp dịch vụ hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân. Có con dấu riêng, có điều lệ riêng và có tài khoản riêng.
  3. Ngoài những nội dung quy định tại Quy chế này, việc quản lý tài chính của Công ty được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với các quy định khác của Điều lệ Công ty.

# Điều 2. Giải thích từ ngữ

* 1. Tài sản của Công ty bao gồm: Tài sản cố định (tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, các khoản cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ dài hạn và các loại tài sản cố định khác); tài sản lưu động (tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản lưu động khác) mà Công ty có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt theo quy định của pháp luật.
  2. Vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ, vốn huy động, vốn tích luỹ và các loại vốn khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
  3. Vốn huy động của Công ty là số vốn Công ty huy động theo các hình thức: phát hành trái phiếu, vay của tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các hình thức huy động khác mà pháp luật không cấm.
  4. Vốn tích lũy là số vốn của Công ty được hình thành từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
  5. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty là việc sử dụng vốn của Công ty dưới các hình thức đầu tư vào doanh nghiệp khác; và các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.
  6. Người đại diện vốn của đơn vị cổ đông tại doanh nghiệp là người được HĐQT thống nhất chủ trương và đề cử, được ĐHĐCĐ qua để nhân danh thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) hoặc tham gia vào cơ quan quản lý điều hành Công ty.

# Điều 3. Nguyên tắc chung

Trong hoạt động tài chính Công ty phải tuân thủ các qui định quản lý tài chính của Nhà nước, Điều lệ Công ty và các quy định liên quan khác.

**CHƯƠNG II**

**QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN CỦA CÔNG TY**

# Điều 4. Vốn điều lệ

* 1. Vốn điều lệ là số vốn do tất cả các Cổ đông góp được ghi trong Điều lệ. Trong quá trình kinh doanh, Công ty có quyền thay đổi vốn điều lệ theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.
  2. Công ty phải theo dõi quản lý, kế toán vốn điều lệ theo Điều lệ và pháp luật.

# Điều 5. Huy động vốn

* 1. Công ty huy động vốn của mọi tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để phục vụ nhu cầu kinh doanh, hình thức và thủ tục huy động vốn theo quy định của pháp luật. Việc vay vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phải đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn huy động, hoàn trả đầy đủ gốc và lãi vay cho chủ nợ theo cam kết. Trách nhiệm và quyền hạn trong việc huy động vốn quy định như sau:
     1. Thẩm quyền quyết định huy động vốn dưới hình thức phát hành thêm cổ phần, phát hành trái phiếu, các chứng quyền theo quy định tại điều lệ và theo sự ủy quyền, phân cấp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.
     2. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư, xây dựng và mua sắm, nâng cấp tài sản cố định theo phân cấp, căn cứ vào kế hoạch đầu tư có quyền quyết định vay để thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch.
     3. Giám đốc phụ trách và người được phân cấp, ủy quyền được phép vay vốn lưu động ngân hàng và các tổ chức tín dụng để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm theo phân cấp đã được điều lệ hiện hành của Công ty qui định.

# Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc trong việc sử dụng vốn và quỹ do Công ty quản lý

* 1. Giám đốc được quyền chủ động sử dụng linh hoạt toàn bộ số vốn, quỹ của Công ty vào hoạt động kinh doanh của Công ty, trừ các khoản vốn huy động mà Công ty đã cam kết mục đích sử dụng vốn.
  2. Giám đốc được sử dụng các quỹ do Công ty quản lý khi nhàn rỗi, khác với mục đích sử dụng quỹ đã quy định, và hoàn trả khi có nhu cầu sử dụng quĩ. Việc sử dụng vốn, quỹ để đầu tư xây dựng phải chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.

# Điều 7. Quản lý các khoản nợ phải trả

* 1. Nội dung công tác quản lý nợ phải trả,
     1. Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả. Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn cam kết.
     2. Đánh giá phân tích khả năng thanh toán nợ, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ, có giải pháp khắc phục kịp thời.
     3. Kiểm kê, đối chiếu các khoản công nợ với chủ nợ, đồng thời tiến hành đánh giá phân loại nợ, phát hiện các khoản nợ quá hạn, phân tích rõ nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời.
     4. Xử lý hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá đối với nợ phải trả có gốc ngoại tệ theo quy định của Nhà nước.
     5. Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm thực hiện các nội dung quản lý công nợ trên, báo cáo Giám đốc theo định kỳ báo cáo tài chính hoặc theo yêu cầu đột xuất.
  2. Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức công tác quản lý công nợ phải trả và quyết định các biện pháp xử lý công nợ tồn đọng.

# Điều 8. Bảo toàn vốn kinh doanh.

* 1. Việc bảo toàn vốn tại Công ty được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:
     1. Thực hiện đúng chế độ quản lý tài chính, sử dụng vốn và tài sản theo quy định của Công ty và pháp luật.
     2. Mua bảo hiểm tài sản và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.
     3. Kịp thời xử lý giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau đây:

1. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
2. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi.
3. Dự phòng các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm và thôi việc.
   1. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn chủ sở hữu nêu trên. Định kỳ báo cáo đánh giá về mức độ bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, phân tích các khoản làm mất vốn và có khả năng làm mất vốn. Giám đốc quyết định cụ thể việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật.

# Điều 9. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty

* 1. Công ty được sử dụng vốn và tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp. Việc đầu tư ra ngoài Công ty phải

tuân theo các quy định của Công ty & pháp luật hiện hành, đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả.

* 1. Các hình thức đầu tư vốn ra ngoài Công ty:
     1. Đầu tư thành lập công ty có 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu Công ty.
     2. Góp vốn với các chủ sở hữu khác để thành lập doanh nghiệp, góp vốn trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.
     3. Mua cổ phần hoặc phần vốn của nhà đầu tư khác để hưởng cổ tức
     4. Mua lại một công ty khác.
     5. Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi.
     6. Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.
  2. Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư vốn ra ngoài Công ty: HĐQT xem xét quyết định đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư và quyết toán vốn đầu tư các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của Công ty khác, bán tài sản của Công ty có tổng mức đầu tư từ 05 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và theo quy định của pháp luật.
     1. Giám đốc Công ty xem xét quyết định và chịu trách nhiệm đối với các dự án đầu tư nằm trong kế hoạch đầu tư đã được HĐQT phê duyệt và có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng; riêng đối với các dự án đầu tư không nằm trong kế hoạch đầu tư hàng năm thì phải được HĐQT phê duyệt chủ trương.
     2. Đối với các dự án đầu tư do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT có quyền phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án và các công việc khác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư đưa dự án vào sử dụng.
  3. Công ty không đầu tư vào hoặc góp vốn với các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp này là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị Công ty, Ban Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng Công ty.

# Điều 10. Nhượng bán phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác

* 1. Công ty có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn của Công ty đã đầu tư vào doanh nghiệp khác. Thẩm quyền quyết định việc chuyển nhượng này như quy định tại điểm 9.3.
  2. Đối với công ty con có 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu Công ty mẹ, việc chuyển nhượng toàn bộ hay một phần vốn của Công ty thực hiện theo qui chế cổ phần hoá hoặc bán đấu giá doanh nghiệp.
  3. Đối với vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác, việc chuyển nhượng, bán số vốn đầu tư của Công ty theo điều lệ của Doanh nghiệp này. Việc nhượng bán cổ phần hay số vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác thực hiện theo giá thị trường.

**CHƯƠNG III**

**QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA TỔNG CÔNG TY**

# Điều 11. Tài sản của Công ty

Tài sản của Công ty bao gồm tài sản lưu động, các khoản đầu tư ngắn hạn, tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn được hình thành từ vốn điều lệ, vốn vay và các nguồn vốn khác. Công ty có quyền cầm cố, thế chấp, cho thuê, nhượng bán, thanh lý các tài sản thuộc sở hữu Công ty, được thay đổi cơ cấu tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

# Điều 12. Tài sản cố định đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản cố định

* 1. Tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình và vô hình. Tiêu chuẩn để xác định tài sản cố định thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.
  2. Thẩm quyền quyết định đầu tư, xây dựng và mua sắm, nâng cấp tài sản cố định thực hiện phù hợp với quy định phân cấp.
  3. Tất cả tài sản cố định hiện có của Công ty (bao gồm tài sản cố định không cần dùng, chưa dùng, chờ thanh lý) đều phải được quản lý, sử dụng và trích khấu hao theo quy định hiện hành. Giám đốc quyết định mức khấu hao cụ thể của từng tài sản.
  4. Việc đầu tư mua sắm tài sản phải có hoặc đảm bảo có nguồn vốn dài hạn tài trợ, Công ty và các Công ty con không được đầu tư mua sắm tài sản cố định bằng nguồn vốn ngắn hạn hoặc chiếm dụng ngắn hạn.
  5. Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm theo dõi, hạch toán kế toán các nghiệp vụ tăng, giảm, đầu tư xây dựng cơ bản, trích khấu hao theo chuẩn mực kế toán và quy định hiện hành.

# Điều 13. Sử dụng tài sản của Công ty làm biện pháp bảo đảm

* 1. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư có quyền quyết định sử dụng tài sản làm biện pháp đảm bảo.
  2. Việc sử dụng tài sản làm biện pháp bảm đảo phải tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật.

# Điều 14. Thanh lý, nhượng bán tài sản

* 1. Công ty chủ động và có trách nhiệm nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, lưu động hữu hình đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, mất phẩm chất không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được; các dự án đầu tư tài sản cố định dở dang không có nhu cầu tiếp tục đầu tư, để thu hồi vốn.
  2. Việc nhượng bán tài sản được thực hiện thông qua tổ chức bán đấu giá hoặc do Công ty tự tổ chức thực hiện.
  3. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định về phân cấp đầu tư của Công ty có thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố

định, các dự án đầu tư tài sản cố định dở dang tương ứng.

# Điều 15. Quản lý hàng tồn kho

* 1. Hàng tồn kho (bao gồm hàng hóa mua về để bán) còn tồn kho, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm dở dang đang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán.
  2. Hàng tồn kho là công cụ lao động được phân bổ giá trị vào chi phí sản xuất trong 1 năm hoặc 2 năm tùy thuộc vào tính chất và giá trị tài sản. Khi phân bổ hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng thì phải tiếp tục theo dõi chi tiết để quản lý.
  3. Giám đốc có trách nhiệm xử lý ngay những hàng tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu mốt, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn.
  4. Kế toán trưởng có trách nhiệm việc ghi chép, thu nhận, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin khi cần thiết về giá trị hàng tồn kho theo chuẩn mức kế toán và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

# Điều 16. Quản lý các khoản nợ phải thu

* 1. Trách nhiệm của Giám đốc trong quản lý nợ phải thu: Giám đốc chỉ đạo các phòng chuyên môn/chi nhánh xây dựng và ban hành quy định quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ. Quyết định mức bồi thường thiệt hại, kỷ luật đối với tập thể, cá nhân liên quan.
  2. Kế toán trưởng có trách nhiệm việc ghi chép, thu nhận, xử lý, kiểm tra, phân tích và đôn đốc thu hồi các khoản nợ phải thu theo chuẩn mực kế toán và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định. Kiểm kê, đối chiếu các khoản phải thu với khách nợ; phân loại nợ, xác định các khoản nợ khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi và xác định nguyên nhân, trách nhiệm các cá nhân, tập thể báo cáo Giám đốc xử lý. Tiêu thức xác định nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo hướng dẫn của Bộ Tài chính
  3. Chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác của Công ty trực tiếp phát sinh các khoản nợ, thủ trưởng Đơn vị cùng phụ trách kế toán có trách nhiệm quản lý theo dõi công nợ phải thu theo các nội dung tại quy chế này và chịu trách nhiệm về các khoản công nợ phát sinh tại đơn vị mình.
  4. Giám đốc được quyền bán các khoản nợ thu theo quy định của pháp luật, bao gồm cả nợ phải thu trong hạn, nợ phải thu khó đòi để thu hồi vốn theo quy định của pháp luật.

# Điều 17. Kiểm kê tài sản

* 1. Giám đốc tổ chức kiểm kê định kỳ vào thời điểm 0h ngày 01 tháng 01 hàng năm, khi thực hiện quyết định chia tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở

hữu, sau khi xảy ra thiên tai, địch họa; hoặc lý do nào đó gây ra biến động tài sản của Công ty, hoặc theo yêu cầu của các Cấp có thẩm quyền.

* 1. Đối với tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

# Điều 18. Xử lý tài sản tổn thất

* 1. Tài sản tổn thất bao gồm tài sản mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu mẫu mốt, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất.
  2. Công ty phải xác định giá trị bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:
     1. Nếu nguyên nhân do chủ quan của tập thể và cá nhân thì người gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Giám đốc quyết định mức bồi thường theo quy định của Công ty của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.
     2. Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.
     3. Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Công ty. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

# Điều 19. Đánh giá lại tài sản

* 1. Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:
     + Theo quyết định của Công ty hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
     + Thực hiện chuyển đổi sở hữu công ty.
     + Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài Công ty.
  2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của pháp luật.

**CHƯƠNG IV**

**QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ, LỢI NHUẬN**

# Điều 20. Quản lý doanh thu và thu nhập khác

* 1. Doanh thu, thu nhập khác của Công ty là toàn bộ số tiền đã thu, sẽ thu được do việc cung cấp dịch vụ sản phẩm, hàng hoá, hoạt động tài chính và các hoạt động khác của Công ty.
  2. Công ty được sử dụng toàn bộ doanh thu thuần, thu nhập khác để bù đắp các chi phí phát sinh trong hoạt động SXKD, hoạt động tài chính và hoạt động khác.
  3. Tiêu chuẩn xác định doanh thu, thu nhập khác căn cứ vào chuẩn mực kế toán và các quy định của Nhà nước.
  4. Kế toán trưởng Công ty thực hiện kế toán doanh thu và thu nhập khác theo quy định hiện hành. Tổ chức kế toán quản trị theo dõi chi tiết doanh thu và thu nhập khác theo loại hình dịch vụ, hợp đồng, đáp ứng cung cấp kịp thời thông tin cho việc quản lý điều hành Công ty.
  5. Giám đốc chỉ đạo các phòng ban chuyên môn xây dựng qui trình cụ thể về nội dung, tài liệu chứng từ và trách nhiệm cá nhân, phòng ban, đơn vị trực thuộc, đảm bảo doanh thu của Đơn vị được tính đúng, đủ và kịp thời.

# Điều 21. Chi phí hoạt động kinh doanh

* 1. Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty là các khoản chi phí hợp lý hợp lệ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh mà Công ty phải bỏ ra trong năm tài chính. Việc phân loại chi tiết chi phí theo hướng dẫn của Nhà nước và yêu cầu quản lý của Công ty.
  2. Việc xác định, kế toán chi phí sản xuất kinh doanh để tính lãi (lỗ) tài chính và thu nhập chịu thuế trong năm tài chính căn cứ vào các chuẩn mực kế toán và các quy định về luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
  3. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn gốc đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành như: các khoản chi hình thành tài sản cố định; các khoản chi mang tính chất phúc lợi; các khoản chi không mang danh đơn vị

…

# Điều 22. Quản lý chi phí

* 1. Các biện pháp thực hiện quản lý chi phí :
     1. Giám đốc chỉ đạo các phòng ban chuyên môn xây dựng đơn giá tiền lương, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, ngành, nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang bị của Công ty trình Hội đồng Quản trị phê duyệt.
     2. Giám đốc tổ chức xây dựng và đôn đốc thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí và phổ biến đến tận người thực hiện, nhất là các định mức chi phí về giao dịch, tiếp khách, hội họp, phát triển thị trường, marketing, tỷ lệ hoa hồng môi giới, hoa hồng đại lý.
     3. Thực hiện các biện pháp quản lý về giá trong công tác mua bán để đảm bảo các khoản chi phí có giá cạnh tranh như: Đấu thầu, chào hàng cạnh tranh ....
     4. Kế toán trưởng định kỳ tổ chức phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm của Công ty nhằm phát hiện những khâu yếu, kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí, giá thành sản phẩm để có giải pháp khắc phục kịp thời.
     5. Giám đốc chỉ đạo các phòng ban chuyên môn tổ chức xây dựng qui trình cụ thể về nội dung, tài liệu chứng từ và trách nhiệm cá nhân, phòng ban, đơn vị trong quá trình thực hiện các chi phí

được giao hoặc phân cấp. Đảm bảo tính khách quan, minh bạch, rõ ràng và đầy đủ của chứng từ chi phí.

* 1. Giám đốc có thể ủy quyền và phân cấp cho cá nhân trong đơn vị được quyền chi các khoản chi phí. Nội dung phân cấp, uỷ quyền sẽ được Giám đốc quyết định cụ thể. Người được ủy quyền hoặc phân cấp quyết định chi chịu trách nhiệm về các khoản chi trước pháp luật, Giám đốc.
  2. Đối với các khoản chi sai quy định, cá nhân đề xuất và quyết định chi phải chịu trách nhiệm bồi hoàn, Giám đốc quyết định việc bồi hoàn.

# Điều 23. Giá thành sản phẩm, chi phí dịch vụ tiêu thụ.

* 1. Tổng giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hóa tiêu thụ trong kỳ (hoặc giá thành hàng hóa bán ra) bao gồm: giá thành sản phẩm, hàng hóa xuất tiêu thụ (hoặc giá vốn hàng hóa bán ra), chi phí dịch vụ tiêu thụ trong kỳ; chi phí quản lý Công ty phát sinh trong kỳ; chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ. Nguyên tắc và phương pháp xác định giá thành sản phẩm, dịch vụ thực hiện theo quy định Công ty và pháp luật.
  2. Kế toán trưởng tổ chức theo dõi chi tiết giá thành theo loại hình dịch vụ, sản phẩm, hợp đồng, báo cáo phân tích, cung cấp thông tin cho công tác quản lý của Công ty.

# Điều 24. Lợi nhuận

* 1. Tổng lợi nhuận thực hiện trong năm của Công ty bao gồm lợi nhuận hoạt động kinh doanh, lợi nhuận hoạt động khác.
  2. Lợi nhuận thực hiện của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng theo quyết định của Đại hội cổ đông.

# Điều 25. Mục đích sử dụng các quỹ.

* 1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh. Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.
  2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ phục vụ nhu cầu SXKD của Công ty.
  3. Quỹ khen thưởng được dùng để:
     + Thưởng cuối năm hoặc thường kỳ cho cán bộ công nhân viên trong Công ty. Mức thưởng do Giám đốc quyết định trên cơ sở tham khảo ý kiến của Công đoàn Công ty (nếu có).
     + Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty. Mức thưởng do Giám đốc quyết định phê duyệt theo Qui chế chi tiêu nội bộ của Công ty.
     + Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty. Mức thưởng do Giám đốc quyết định.
  4. Quỹ phúc lợi được dùng để:
     + Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;
     + Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công

ty, phúc lợi xã hội;

* + - Trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội;
    - Việc quản lý sử dụng quỹ phúc lợi do Giám đốc Công ty quyết định. Những khoản chi quĩ phúc lợi liên quan trực tiếp đến quyền lợi người lao động có tham khảo ý kiến của Công đoàn Công ty (nếu có).
  1. Quỹ thưởng cơ quan quản lý điều hành Công ty được sử dụng để thưởng cho cơ quan quản lý Công ty, Giám đốc cùng bộ máy giúp việc. Mức thưởng do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định gắn với hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc.

**CHƯƠNG V**

**CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH- KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN**

# Điều 26. Tài khoản ngân hàng

Công ty mở tài khoản tại ngân hàng hoạt động tại Việt Nam và có thể mở tài khoản tại ngân hàng ở nước ngoài. Việc mở tài khoản theo các quy định của pháp luật .

# Điều 27. Kế hoạch tài chính

* 1. Trước thời hạn ngày 30 tháng 11 hàng năm, căn cứ chiến lược phát triển Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhu cầu về vốn của Công ty, Giám đốc trình Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính (ngân sách) năm sau của Công ty. Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch tài chính chậm nhất là ngày 30/01 năm kế hoạch.
  2. Giám đốc có trách nhiệm báo cáo kết quả việc thực hiện các kế hoạch hàng năm này cho Hội đồng Quản trị Công ty trong vòng 90 ngày sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

# Điều 28. Chế độ kế toán

* 1. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành, lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt, các hoạt động kinh tế phát sinh được phản ánh bằng Đồng Việt Nam.
  2. Chứng từ sổ sách kế toán (kể cả dữ liệu trong phần mềm kế toán) của Công ty đảm bảo chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. Việc lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán theo quy định của Công ty và pháp luật.
  3. Việc cung cấp thông tin, chứng từ, sổ sách kế toán ra bên ngoài doanh nghiệp chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của Giám đốc hoặc do quy định của luật pháp.
  4. Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty theo chế độ và các chuẩn mực về kế toán của Nhà nước, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Hội đồng quản trị, Giám đốc về toàn bộ công tác kế toán của Công ty.

# Điều 29. Báo cáo tài chính

* 1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch cùng năm.
  2. Báo cáo tài chính của Công ty (Công ty mẹ), công ty con, đơn vị trực thuộc, báo cáo tài chính hợp nhất và các báo cáo, tài liệu bổ trợ khác được lập trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành. Báo cáo tài chính được gửi tới các cơ quan quản lý, đơn vị liên quan theo quy định hiện hành.
  3. Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo tài chính và các thông tin tài chính khác.

# Điều 30. Kiểm toán

* 1. Công ty thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật. Mục tiêu kiểm toán nội bộ nhằm phục vụ cho công tác điều hành của Giám đốc.
  2. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, công ty mẹ, các công ty con được kiểm toán độc lập. Việc kiểm toán Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

**CHƯƠNG VI**

**QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC**

# Điều 31. Quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác

* 1. Giám đốc có trách nhiệm tổ chức theo dõi quản lý một cách có hiệu quả các khoản vốn đầu tư ra ngoài Công ty. Giám đốc và người đại diện phần vốn góp của Công ty có trách nhiệm báo cáo hàng quý và hàng năm cho Hội đồng Quản trị Công ty tình hình và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.
  2. Trường hợp Công ty nắm ít cổ phần hoặc vốn góp tại doanh nghiệp khác (dưới 5% vốn điều lệ) thì Công ty không cần phải cử người đại diện phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác. Trường hợp này, Giám đốc phân công hoặc ủy quyền người thực hiện các quyền của cổ đông, người góp vốn theo quy định tại điều lệ của doanh nghiệp khác.

# Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện

* 1. Quyền, nghĩa vụ người đại diện tại doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của Công ty được quy định trong điều lệ của doanh nghiệp đó và các quy định của Công ty.
  2. Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp. Định kỳ hoặc theo yêu cầu báo cáo cho Công ty về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của doanh nghiệp khác và việc thực hiện các nhiệm vụ được Công ty giao.
  3. Người đại diện tham gia cơ quan quản lý điều hành doanh nghiệp khác phải

nghiên cứu đề xuất phương hướng biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp khác để trình Công ty phê duyệt. Đối với những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp đưa ra thảo luận trong hội đồng quản trị, trong ban giám đốc, trong đại hội cổ đông hay trong cuộc họp hội đồng thành viên hay bên liên doanh như phương hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh, huy động thêm cổ phần, vốn góp, chia cổ tức, người đại diện phải xin ý kiến của Công ty trước khi họp và biểu quyết. Trường hợp nhiều người đại diện cùng tham gia hội đồng quản trị, cơ quan quản lý điều hành của doanh nghiệp khác thì phải cùng nhau bàn bạc và thống nhất ý kiến trước khi phát biểu và biểu quyết.

* 1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo điều lệ của Công ty và Luật doanh nghiệp.
  2. Chịu trách nhiệm trước Công ty về các nhiệm vụ được giao. Trường hợp thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường vật chất và chịu trách nhiệm theo quy định của Công ty và pháp luật.
  3. Hội đồng Quản trị Công ty phân cấp cho người đại diện phần vốn của Công ty quyết định các dự án đầu tư theo các quyết định phân cấp cụ thể phù hợp với các quy định trong điều lệ Công ty và luật doanh nghiệp.

# Điều 33. Tiền lương, thưởng và quyền lợi của người đại diện.

* 1. Người đại diện tham gia ban quản lý, điều hành doanh nghiệp khác được hưởng lương, thưởng và các quyền lợi khác theo quy định trong điều lệ doanh nghiệp, qui chế tiền lương và do doanh nghiệp đó chi trả.
  2. Người đại diện ở doanh nghiệp khác không được doanh nghiệp khác trả lương, phụ cấp, thưởng và các chế độ quyền lợi khác thì Công ty là người trả lương, phụ cấp, tiền thưởng và chế độ khác cho người đại diện.
  3. Người đại diện không được cùng lúc hưởng lương, tiền thưởng ở cả hai nơi.

# Điều 34. Phân phối lợi nhuận

* 1. Bù lỗ của năm trước khi số lỗ đó đã hết hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.
  2. Phân phối vào quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty để hoạt động.
  3. Phân phối một phần lợi nhuận vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
  4. Phân phối tối đa 5% lập quỹ thưởng Ban điều hành Công ty. Mức trích 1 năm không được vượt quá 500 triệu đồng với điều kiện tỷ suất lợi nhuận thực hiện trước thuế tại công ty phải lớn hơn hoặc bằng tỷ suất lợi nhuận kế hoạch.
  5. Phân phối lợi nhuận cho các cổ đông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và luật doanh nghiệp.

**CHƯƠNG VII**

**MỐI QUAN HỆ TÀI CHÍNH GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC CÓ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY.**

# Điều 35. Mối quan hệ giữa Công ty với các doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của Công ty

* 1. Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn thông qua người trực tiếp quản lý phần vốn của Công ty tại các công ty này và theo quy định của điều lệ của doanh nghiệp.
  2. Các quan hệ về kinh tế giữa Công ty và các doanh nghệp khác có vốn đầu tư của Công ty được thực hiện thông qua các hợp đồng kinh tế.

**CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

# Điều 36. Điều khoản thi hành

* 1. Quy chế tài chính này bao gồm 8 chương 36 điều. Giám đốc Công ty, Người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác, Giám đốc các Chi nhánh/Công ty con chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh theo các quy định tại Quy chế này.
  2. Các Công ty con xây dựng qui chế tài chính trình Giám đốc phê duyệt, các nội dung trong quy chế tài chính của Công ty con phù hợp với đặc thù của từng đơn vị và không được trái hoặc mâu thuẫn với các quy định trong quy chế này.
  3. Ngoài các quy định tại quy chế tài chính này, Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Cơ Khí và Năng Lượng phải thực hiện việc quản lý tài chính và hạch toán kế toán theo các qui định pháp luật hiện hành./.